

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Nhà
máy điện mặt trời KN Cam Lâm, xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây,
huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy
định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/04/2017 của Thủ tướng
Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt
Nam;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về
Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch
đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng
về việc Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây
dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông báo số 583/TB-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh
Khánh Hòa về việc lấy ý kiến của Thường trực UBND tỉnh về địa điểm nghiên
cứu lập dự án Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-BCT ngày 31/01/2018 của Bộ Công Thương
về việc phê duyệt bổ sung danh mục dự án Nhà máy điện mặt trời KN Cam
Lâm, công suất 50MWp vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa giai
đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 792/QĐ-UBND ngày 23/3/2018
của UBND tỉnh Khánh Hòa về dự án Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm tại
xã Cam An Bắc, Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm;

Căn cứ Văn bản số 4058/UBND-XDND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh
Khánh Hòa về việc lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy điện mặt
trời KN Cam Lâm tại xã Cam An Bắc, Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm;



Căn cứ Thông báo số 283/TB-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ý kiến của Thường trực UBND tỉnh về thay đổi loại hình công ty để thực hiện dự án điện mặt trời KN Cam Lâm;

Căn cứ Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Điện mặt trời KN Cam Lâm tại Tờ trình số 37/CV-KNCAMLAM ngày 06/8/2018 về việc đề nghị phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm, xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và Kết quả thẩm định đồ án quy hoạch tại văn bản số 3.199./SXD-HTKT ngày 15/8/2018 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm, xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

I. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm, xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

II. Vị trí, ranh giới và quy mô khu vực lập quy hoạch:

1. Vị trí: Khu đất nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ranh giới: Khu vực lập Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm, xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa có tổng diện tích khoảng **69,66 ha**, có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Đông: giáp núi Hòn Khô.
- Phía Tây: giáp núi Hòn Ngang.
- Phía Nam: giáp đất sản xuất nông nghiệp.
- Phía Bắc: giáp dự án Nhà máy điện mặt trời Cam Lâm VN.

3. Quy mô công suất dự kiến của dự án:

Quy mô đầu tư xây dựng của dự án Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm, xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm gồm các hạng mục sau:

- Xây dựng hệ thống pin năng lượng mặt trời có công suất lắp đặt khoảng 50MWp;
- Hệ thống bộ biến tần chuyển đổi DC/AC (Inverter);

- Hệ thống các TBA nâng 0,4/22kV;
- Hệ thống đường dây DC, AC đấu nối nội bộ trong nhà máy và đấu nối đến TBA 22/110kV;
- Hệ thống điều khiển, giám sát từ xa (SCADA), quan trắc thời tiết;
- Nhà điều khiển, hệ thống đường giao thông nội bộ, tường rào, thông tin liên lạc...;
- Xây dựng mới TBA 110kV và đường dây 110kV (dài khoảng 10,1km) phục vụ đấu nối nhà máy với hệ thống điện Quốc gia (điểm đấu nối tại TBA 220kV Cam Ranh);
- Khu nhà hành chính, cư xá nhân viên.

III. Tính chất của khu quy hoạch:

Khu vực quy hoạch có tính chất là công nghiệp sản xuất năng lượng sạch tập trung hoàn chỉnh. Ngành nghề sản xuất điện năng lượng mặt trời, không gây ô nhiễm.

IV. Nội dung quy hoạch chi tiết:

1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm, xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với tính chất là công nghiệp sản xuất năng lượng sạch tập trung hoàn chỉnh; quy mô lập quy hoạch 69,66 ha.

Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Mật độ xây dựng gộp toàn khu tối đa: 0,4 %.
- Hệ số sử dụng đất toàn khu tối đa: 0,40.
- Tầng cao xây dựng tối đa: ≤ 01 tầng cho nhà hành chính, cư xá, nhà xe, nhà kho, bảo vệ, nhà điều khiển trong trạm 110kV, các trạm Inverter.
- Tỷ lệ các loại đất trong Khu vực lập quy hoạch gồm:
 - + Đất hành lang an toàn cao tốc đường bộ Bắc Nam: 10,03%.
 - + Kênh chính Bắc hồ Tà Rục: 3,90%.
 - + Đất lấp đặt Panel (tấm pin): 65,09%.
 - + Đất đặt trạm Inverter: 0,76%.
 - + Đất hành chính – dịch vụ: 0,78%.
 - + Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm biến áp): 0,69%.
 - + Đất cây xanh, thảm cỏ: 11,70%.
 - + Mặt nước (mương nước): 2,50%.
 - + Đất giao thông (nội bộ, nội đồng): 4,55%.

Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp nước sinh hoạt: ≥ 120 lít/người/ng.đêm.
- Cấp điện sinh hoạt: 330 W/người/ng.đêm.
- Cấp điện chiếu sáng cho đường giao thông: 01 W/m^2 .
- Thoát nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp.
- Rác thải: $\geq 0,8$ kg/người/ng.đêm.

2. Quy hoạch kiến trúc cảnh quan:

2.1 Bố cục không gian quy hoạch:

Không gian kiến trúc các khu chức năng trong khu vực lập quy hoạch được bố trí với giải pháp quy hoạch như sau:

- Các công trình cổng, nhà bảo vệ bố trí phía ngoài tại đường giao thông tiếp cận vào nhà máy. Giao thông nội bộ kết nối thuận tiện từ các khu chức năng với đường giao thông đầu nối của nhà máy.

- Khu vực nhà hành chính, cư xá..., được bố trí phía Bắc khu quy hoạch.

- Khu vực đầu nối – trạm 110kV bố trí liền kề với khu hành chính, phù hợp trong việc đầu nối với hệ thống chung của khu vực, để thuận tiện trong việc điều khiển truyền tải điện.

- Các khu vực lắp đặt tấm pin quang điện bố trí tại các vị trí tương đối bằng, hướng được ánh nắng nhiều nhất.

- Các trạm Inverter bố trí đan xen trong các vị trí lắp tấm pin, các khu trồng cỏ xen cây hai bên đường giao thông nội bộ và các mương nước.

2.2 Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Hệ thống giao thông kết nối từ nhà máy ra đường Tỉnh lộ 9 có lộ giới 6m; đóng vai trò là đường giao thông đối ngoại của khu vực lập quy hoạch, đảm bảo việc kết nối, vận chuyển thiết bị trong quá trình xây dựng và vận hành khi đi vào hoạt động sản xuất sau này.

- Trong tổng thể mặt bằng phân khu nhà máy có các hạng mục chính gồm: Khu vực lắp các tấm pin; khu vực trạm đầu nối và truyền tải điện; khu vực hành chính – dịch vụ; khu vực trồng cỏ và mương nước; khu vực hành lang an toàn cao tốc Bắc Nam.

- Khu vực lắp các tấm pin chiếm phần lớn diện tích trong khuôn viên nhà máy, tại các vị trí thuận lợi để đảm bảo hiệu suất cao nhất, đan xen là các khu vực cảnh quan (trồng cỏ), mương nước và đường giao thông nội bộ.

- Khu vực trạm đầu nối và truyền tải điện nằm phía Đông Bắc nhà máy, bao gồm: Nhà điều hành, nhà trạm bơm cứu hỏa, trạm nâng áp 22/110kV và MBA 22/0,4kV.

- Khu vực hành chính – dịch vụ nằm liền kề khu vực trạm đầu nối, tại vị trí có thể bao quát trong quá trình vận hành sản xuất, để kịp thời bảo trì, sửa chữa thay thế các tấm pin, hệ thống kỹ thuật kết nối các tấm pin.

- Trong khu vực nhà máy, đan xen giữa các khu chức năng là khu vực trồng cỏ cảnh quan, kênh chính Bắc hồ Tà Rục và mương thoát nước (xây dựng mới), các vị trí trồng cỏ bố trí hai bên các mương thoát nước, hai bên đường giao thông nội bộ.

- Các đường giao thông nội bộ với lộ giới 5,5m, kết nối từ đường giao thông bên ngoài vào nhà máy với các khu chức năng và các khu vực lắp tấm pin.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu vực lập Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm, xã Cam An Bắc và Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa có quy mô là **69,66ha**, bao gồm các loại đất theo bảng thống kê sau:

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
01	Đất hành lang cao tốc	6,99	10,03
02	Kênh chính Bắc	2,72	3,90
03	Đất lấp đặt Panel	45,34	65,09
04	Đất đặt trạm Inverter	0,53	0,76
05	Đất hành chính – Dịch vụ	0,54	0,78
06	Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm biến áp)	0,48	0,69
07	Đất cây xanh, thảm cỏ	8,15	11,70
08	Mặt nước (mương nước)	1,74	2,50
09	Đất giao thông	3,17	4,55
	Giao thông nội bộ	2,90	4,16
	Giao thông nội đồng	0,27	0,39
TỔNG CỘNG		69,66	100,00

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	MĐXD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO XD TỐI ĐA (tầng)	DIỆN TÍCH SÀN XD (m ²)	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT HÀNH LANG AN TOÀN CAO TỐC	69.979,16				10,03
I.1	GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG	5.032,45				
I.2	ĐẤT TRỐNG	64.946,71				
II	KÊNH CHÍNH BẮC HỒ TÀ RỤC	27.185,80				3,90
III	ĐẤT LẤP ĐẶT PANEL	453.375,47				65,09
III.1	PANEL 01	16.156,00				
III.2	PANEL 02	24.584,05				
III.3	PANEL 03	2.675,46				
III.4	PANEL 04	43.926,33				
III.5	PANEL 05	42.538,00				
III.6	PANEL 06	43.400,00				
III.7	PANEL 07	43.811,71				
III.8	PANEL 08	20.047,13				
III.9	PANEL 09	20.920,00				

III.10	PANEL 10	23.999,99				
III.11	PANEL 11	65.088,06				
III.12	PANEL 12	3.474,97				
III.13	PANEL 13	61.473,85				
III.14	PANEL 14	19.166,44				
III.15	PANEL 15	21.073,48				
III.16	PANEL 16	1.040,00				
IV	ĐẤT ĐẶT TRẠM INVERTER	5.270,46	60	1	1050,00	0,76
IV.1	INVERTER 01	252,79			50,00	
IV.2	INVERTER 02	195,07			50,00	
IV.3	INVERTER 03	234,74			50,00	
IV.4	INVERTER 04	249,64			50,00	
IV.5	INVERTER 05	188,00			50,00	
IV.6	INVERTER 06	421,59			50,00	
IV.7	INVERTER 07	413,03			50,00	
IV.8	INVERTER 08	415,52			50,00	
IV.9	INVERTER 09	170,26			50,00	
IV.10	INVERTER 10	225,82			50,00	
IV.11	INVERTER 11	246,04			50,00	
IV.12	INVERTER 12	249,04			50,00	
IV.13	INVERTER 13	346,16			50,00	
IV.14	INVERTER 14	211,93			50,00	
IV.15	INVERTER 15	198,83			50,00	
IV.16	INVERTER 16	161,86			50,00	
IV.17	INVERTER 17	237,50			50,00	
IV.18	INVERTER 18	275,90			50,00	
IV.19	INVERTER 19	246,11			50,00	
IV.20	INVERTER 20	237,22			50,00	
IV.21	INVERTER 21	93,41			50,00	
V	ĐẤT HÀNH CHÍNH - DỊCH VỤ	5.404,59	40	1	656,50	0,78
V.1	NHÀ HÀNH CHÍNH	288,00		1	288,00	
V.2	NHÀ CƯ XÁ	190,00			190,00	
V.3	NHÀ KHO	96,00			96,00	
V.4	NHÀ XE	82,50			82,50	
V.5	CÂY XANH, SÂN BÃI	4.748,09				
VI	ĐẤT HTKT (TRẠM BIẾN ÁP)	4.821,88	40	1	435,50	0,69
VI.1	NHÀ ĐIỀU HÀNH	383,50		1	383,50	
VI.2	NHÀ TRẠM BƠM	52,00			52,00	
VI.3	TRẠM BIẾN ÁP	1.422,58				
VI.4	CÂY XANH, SÂN BÃI	2.963,80				
VII	ĐẤT CÂY XANH, THẨM CỎ	81.535,61				11,70
VIII	MẶT NƯỚC	17.359,24				2,50
IX	ĐẤT GIAO THÔNG	31.735,98				4,55
IX.1	GIAO THÔNG NỘI BỘ	29.059,19				
IX.2	GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG	2.676,79				
TỔNG		696.668,19			2.142,00	100,00
MẬT ĐỘ XD GỘP TOÀN KHU		2.142 / (696.668,19 - 69.979,16 - 27.185,80) x 100% = 0,35				

Mật độ xây dựng gộp toàn khu quy hoạch, với quy mô 69,66 ha là 0,35%.

4. Quy hoạch giao thông:

Giao thông đối ngoại:

- Đường D3; N8: Chính giữa khu quy hoạch, đóng vai trò là đường đối ngoại kết nối khu vực quy hoạch với đường liên xã - Tỉnh lộ 9, đoạn tuyến này có chiều dài khoảng 1357m, mặt đường 4,0m, nền đường 5,5m, trong đó:

- + Mặt đường: $2,0\text{m} \times 2 = 4,0\text{m}$; (bê tông M250).
- + Lề gia cố: $0,75\text{m} \times 2 = 1,50\text{m}$; (cấp phối đá dăm, đồng nhất kết cấu mặt đường).

Giao thông đối nội:

Hệ thống giao thông nội bộ xây dựng bên trong khu vực thiết kế sẽ được đầu nối với tuyến đường D3, gồm các tuyến đường dọc D và ngang N, trong đó:

- Mặt đường 4m; nền 5,5m:
- + Mặt đường: $2,0\text{m} \times 2 = 4,0\text{m}$; (bê tông M250).
- + Lề gia cố: $0,75\text{m} \times 2 = 1,50\text{m}$; (cấp phối đá dăm, đồng nhất kết cấu mặt đường).

Đường giao thông liên xã 4,0m, kết cấu đồng nhất với đường hiện trạng, xây dựng mới khoảng 2660m^2 bên trong ranh dự án, nắn tuyến hiện trạng để tránh đoạn đi vào khu vực lấp pin của dự án, nhằm đảm bảo nhu cầu dân sinh cho người dân.

5. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa:

5.1. Quy hoạch san nền:

- Căn cứ cao độ hiện trạng của khu quy hoạch, cao độ của đường giao thông liên xã và cao độ nền của khu vực lân cận, tiến hành xem xét san nền cho khu vực quy hoạch sao cho đồng bộ với cao độ tự nhiên của các khu vực lân cận; san từ chỗ cao xuống chỗ thấp bảo đảm góc lấp đặt của các tấm pin cũng như tạo độ dốc hợp lý nhằm thoát nước tốt.

- Tiến hành san nền cho khu vực lấp đặt các tấm pin, công trình phụ trợ trong khu quy hoạch theo nguyên tắc đảm bảo cân bằng đào đắp.

- Tính toán khối lượng san lấp cho khu vực:

- + Khối lượng đất đắp: $216.888,07 \text{ m}^3$.
- + Tổng khối lượng đất đào: $238.682,07 \text{ m}^3$.

5.2. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, hoạt động theo cơ chế tự chảy.

- Bố trí các rãnh thoát nước dọc theo các đường giao thông của khu quy hoạch để thoát nước cho đường, cho các công trình và các khu vực lấp pin.

- Tiến hành cải tạo xây dựng tuyến kênh thoát nước chung chạy xuyên suốt dự án, đồng thời xây dựng mương hở để đón dòng nước từ khu vực phía Tây dự án. Tại vị trí thoát nước ngang đường tiến hành lấp đặt cống bản kích thước $2 \times (250 \times 250)$.

- Nước mưa sau khi thu gom sẽ được thoát theo hệ thống kênh mương qua các cửa xả, thoát ra các mương suối hiện trạng.
- Kết cấu kênh rãnh thoát nước: Công bản, kênh BTCT, mương rãnh thoát nước sử dụng lớp lót đá gia cố, độ dốc theo đường giao thông hoặc theo nền.

6. Cấp nước:

6.1. Nguồn cấp nước:

Nước cấp cho khu quy hoạch được lấy từ hệ thống đường ống cấp nước khu tái định cư Tà Rục bằng đường ống dẫn D110, dẫn vào bể chứa tại vị trí xây dựng nhà và trạm bơm phía Tây – Bắc khu quy hoạch với công suất 80 m³/ngđ.

6.2. Cấp nước sinh hoạt và vệ sinh định kỳ:

- Đường ống cấp nước sinh hoạt D110 chạy dọc theo đường D3, N8 cấp nước vào bể chứa trạm 110KV, đường ống D63 dẫn nước vào nhà điều hành, hành chính, cư xá.

- Tại thời điểm vệ sinh định kỳ, các xe bồn lấy nước từ trạm bơm, van hòng cứu hỏa và di chuyển đến từng khu vực, vệ sinh các tấm pin bằng vòi xịt áp lực cao.

6.3. Cấp nước chữa cháy và PCCC cho công trình:

- Nước dùng cho PCCC được cấp từ trạm bơm bể chứa công suất 160m³ và bồn nước trên mái. Sân phân phối hệ thống điện cao thế có 2 bể chứa mỗi bể 3m³ dùng cung cấp nước cho chữa cháy bằng tay.

- Công trình được thiết kế gồm: Hệ thống chữa cháy bằng các thiết bị chữa cháy: Bình khí CO₂ xách tay, loại bình 5kg, bình CO₂ loại xe đẩy 30kg, bình bột xách tay loại 4kg, bình bột xe đẩy loại 35kg kết hợp với các dụng cụ chữa cháy thông thường khác.

- Các trang thiết bị của hệ thống PCCC cho nhà máy gồm:

+ Thiết bị phát hiện và báo cháy cho MBA, nhà điều khiển và phân phối.

+ Trong nhà máy còn trang bị các thiết bị chữa cháy bằng tay như: Bình bột, bình CO₂, bể chứa nước, chứa cát và các dụng cụ khác theo quy định.

6.4. Cấp nước chữa cháy và PCCC cho khu vực lắp pin:

- Nước dùng cho PCCC được cấp từ trạm bơm bể chứa thông qua hệ thống ống cấp D110 và các hòng cứu hỏa lắp đặt tại các trạm inverter hoặc theo đường giao thông. Khi có sự cố cháy tại khu vực nào thì xe cứu hỏa sẽ lấy nước tại các hòng chờ gần đó.

- Áp lực cột nước tự do trong đường ống cấp nước tại thời điểm cháy đảm bảo > 10m, do hệ thống bơm tăng áp đảm nhiệm và phải đảm bảo áp lực theo tiêu chuẩn TCVN 2622:1995.

7. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt cho khu quy hoạch là hệ thống thoát nước bằng bể tự hoại, thấm tại chỗ. Nước thải vệ sinh định kỳ là nước thải sạch, tự thấm xuống đất hoặc thoát theo hệ thống thoát nước mưa.

- Lượng rác thải khu nhà máy được thu gom lưu trữ tạm thời tại nhà máy và thỏa thuận với Công ty Môi trường đô thị địa phương thu gom và vận chuyển đến khu xử lý tập trung theo định kỳ.

8. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

Nguồn điện:

- Nguồn cấp điện cho khu vực quy hoạch được lấy từ 2 nguồn:
- + Nguồn chính sẽ lấy từ trạm biến thế tự dùng từ lưới 110kV.
- + Nguồn dự phòng được lấy từ tuyến trung thế 22kV-477-E28-110KV Cam Ranh.

Cấu trúc hệ thống cấp điện:

- Khi xây dựng hoàn chỉnh, cấu trúc hệ thống cấp điện của khu vực sẽ bao gồm:

- + Trạm 110KV.
- + Trạm inverter hợp bộ.
- + Hệ thống thu gom điện DC.
- + Cấp ngầm trung thế 22kV.
- + Trạm biến áp 22/0,4kV tự dùng nguồn địa phương.
- + Hệ thống cấp hạ thế và tủ điện công trình.
- Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch và dự kiến đầu tư của đồ án này, khu vực quy hoạch chỉ đề xuất thiết kế trạm biến áp tự dùng, hệ thống điện hạ thế; các hạng mục trạm 110KV, trạm inverter, tuyến cáp ngầm 22KV, hệ thống chiếu sáng và hệ thống thu gom điện DC, sẽ được thiết kế chi tiết trong các giai đoạn sau tùy theo yêu cầu và dây chuyền công nghệ của dự án.

Giải pháp tổ chức mạng lưới cấp điện:

- Từ hệ thống thu gom điện DC tập trung về các trạm inverter, từ đây có các tuyến cáp ngầm 22kV đi dọc theo các trục đường giao thông để đấu nối nguồn vào trạm biến áp 110KV của nhà máy, từ đó truyền tải lên lưới điện quốc gia.

- Lưới điện 22kV được tổ chức đi ngầm trong ống điện chôn ngầm để tăng độ an toàn cung cấp điện nhằm giảm thiệt hại trong sản xuất khi có sự cố trên đường dây.

- Tuyến điện đi nổi 22KV tự dùng nguồn địa phương cấp vào khu quy hoạch là hệ thống 3 pha 3 dây AC - 50mm² đi nổi trên trụ BTLT cao 12m, đấu nối tuyến 22KV-477/E28-110KV Cam Ranh tại cột 89-1-8 cách dự án khoảng 200m.

- Trạm biến áp tự dùng 250KVA phục vụ cho thi công và là nguồn tự dùng trong tương lai.

- Từ trạm biến áp 250KVA sẽ có các tuyến hạ thế 0,4KV- Cu/XLPE/PVC/DSTA-4x70mm² cung cấp đến các khu quản lý vận hành, trạm cấp nước, khu trạm 110KV.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng bộ đèn pha HPS-250W lắp trên trụ, các đèn được điều khiển bật tắt tự động bằng cảm biến quang photo-cell hoặc điều khiển

bằng tay tại tủ điều khiển. Hệ thống chiếu sáng dùng cho chiếu sáng sự cố, chiếu sáng bảo vệ an ninh, chiếu sáng đường giao thông và được thiết kế chi tiết ở giai đoạn tiếp theo.

- Giải pháp chống sét, chống quá điện áp, nối đất thiết bị được quan tâm hàng đầu trong quá trình vận hành dự án.

9. Quy hoạch hệ thống thông tin:

- Kết nối Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm vào mạng truyền dẫn nhà cung cấp dịch vụ Viettel hoặc VNPT về TTĐĐ A3 gồm: Thiết bị truyền dẫn thông tin SDH/PDH của dự án tại các vị trí Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm, TTĐĐ A3 sẽ do nhà cung cấp dịch vụ Viettel/ hoặc VNPT trang bị.

- Kết nối mạng thông tin nhà máy vào mạng truyền dẫn thông tin EVN theo hướng kết nối thiết bị thông tin Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm với thiết bị thông tin TBA 220kV Cam Ranh. Chức năng của tuyến thông tin này là truyền tín hiệu thoại VoIP, dữ liệu SCADA cho điều khiển điều độ từ Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm về trung tâm điều độ quốc gia (A0), tín hiệu đo đếm điện năng của các công tơ từ Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm về đơn vị thu thập quản lý số liệu đo đếm (EPTC).

- Thiết lập 01 kênh thuê riêng leased-line giữa Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm và TTĐĐ A3 thông qua nhà cung cấp dịch vụ Viettel hoặc VNPT. Kênh truyền thông tin giữa Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm và TTĐĐ A3 và giữa Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm và TTĐĐ A0 sẽ độc lập vật lý theo quy định trong văn bản 432/ĐĐQG.

- Treo mới tuyến cáp quang OPGW 24 sợi quang theo tiêu chuẩn ITU-T G.652 từ cột xuất tuyến TPP 110kV Nhà máy điện mặt trời KN Cam Lâm đến cột xuất tuyến TPP 220kV Cam Ranh, chiều dài khoảng 10,27 km.

- Kết nối cáp OPGW tại cột cổng của trạm với các thiết bị đặt trong phòng thông tin, sử dụng cáp quang Non-Metallic (NMOC).

10. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Khảo sát và đánh giá hiện trạng các yếu tố tài nguyên môi trường xung quanh tại khu vực dự án.

- Dự báo khả năng tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội trong giai đoạn thi công và vận hành của dự án.

- Xây dựng và đề xuất các biện pháp tổng hợp và các biện pháp hỗ trợ nhằm ngăn ngừa, khống chế và giảm thiểu ô nhiễm.

- Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường.

V. Những quy định về quản lý quy hoạch xây dựng:

Quản lý quy hoạch xây dựng thực hiện theo Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Quy chuẩn Xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành; các quy định hiện hành của UBND tỉnh về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Phân công thực hiện:

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận Tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương, Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Cam Lâm quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành, theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Cam Lâm; Giám đốc Công ty Cổ phần Điện mặt trời KN Cam Lâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. */sk/*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nơi nhận :

- TT: HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, VC, CN, *TK.24*



Lê Đức Vinh

